TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HB
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước

2. Ông Nguyễn Văn Miên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXX- ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QD9ST-HNGĐ ngày 08/10/2018.

1. Nguyên đơn: Anh **N**, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 96/476B, k3, p 2, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Chị **B**, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 15A, xã VMA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh N trình bày: Anh N và chị B xây dựng hôn nhân và gia đình năm 2004, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Thanh Hận, sinh ngày 09/3/2004. Hiện cháu Hận đang sống chung với chị B.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh N và chị B là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau cách nay khoảng 07

năm nay. Nay ra Tòa anh N yêu cầu được ly hôn với chị B, con chung tiếp tục giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Về phía bị đơn chị B trình bày: Chị B thống nhất theo phần trình bày của anh N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay chị Kim B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N, đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh N và chị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thanh Hận, sinh ngày 09/3/2004 cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, anh N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Kim B không yêu cầu, anh N được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Khôngcó nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là anh N và bị đơn là chị B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa nguyên đơn là anh N vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Riêng chị Kim B đã được Tòa án nhân dân huyện HB tống đạt theo quy định pháp luật các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng chị Kim B vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị B xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống anh N và chị B không quan tâm xây dựng hạnh phúc, yêu thương nhau mà thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, chẳng những không có biện pháp để khắc phục, dung hòa mà mâu thuẫn ngày càng lớn, từ đó dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng thể hiện qua việc anh N và chị B đã sống ly thân hơn 07 năm nay. Quá trình giải quyết

vụ án anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị B, đồng thời chị B cũng đồng ý ly hôn với anh N; Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, anh N và chị B tự nguyện sống chung với nhau, không đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, hôn nhân giữa anh N và chị B là không hợp pháp nên không công nhận anh N và chị B là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Anh N và chị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Hận, sinh ngày 09/3/2004. Khi ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Hận. Phía anh N đồng ý giao cháu Hận cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời cháu Hận cũng có nguyện vọng sống với chị Chị B. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi sự thỏa thuận của anh N và chị B về việc chị B là người trực tiếp nuôi cháu Hận sau khi ly hôn; Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu Hận. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị B thống nhất xác định tài sản chung không có và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ Bn thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh N và chị B là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị B được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thanh Hận, sinh ngày 09/3/2004. Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu Hận. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng). Anh N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014387 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HB, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, chị B có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sư;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện HB;
- UBND xã VMA, huyện HB
- UBND phường 2, thành phố Bạc Liêu
- Chi cục THADS huyện HB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nam